

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẬP
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04 /2020/HNGĐ-ST
Ngày 14 tháng 02 năm 2020
V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẬP- TỈNH PHÚ THỌ**

-Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Mẫu.

Các hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Quang Sáng.

- Ông Đinh Quang Mạnh.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Cấn Trường Trung - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 260 /TLST/HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06 /2020/QĐXXST ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995. Có mặt.

Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc D- Sinh năm 1988. Có mặt.

Đều trú quán: Khu Hàm, xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Tôi và anh Hoàng Ngọc D tự nguyện kết hôn, Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 01/10/2013. vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn do không hợp nhau, không chăm sóc, quan tâm đến nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm, do mất lòng tin ở nhau, Chị T lại hay mâu thuẫn với gia đình chồng, chúng tôi đã cố gắng để khắc phục và được gia đình góp ý nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ tháng 3/2019 đến nay. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, thuận vợ chồng ngày càng trầm trọng, không khắc phục được nên xin được ly hôn anh D để ổn định cuộc sống.

Bị đơn anh Hoàng Ngọc D trình bày: Về thời gian kết hôn và quá trình chung sống như Chị T trình bày là đúng. Vợ chồng tuy có nhiều mâu thuẫn, khi Chị T bỏ nhà đi tôi đã nhiều lần gọi điện nhưng Chị T không nghe, tôi cũng nhiều lần đến nhà mẹ đẻ Chị T để khuyên bảo chị về đoàn tụ nhưng chị đều tránh mặt tôi. Nay Chị T xin ly hôn tôi không nhất trí ly hôn, vì tôi không muốn vợ nọ, con kia và không muốn con cái thiếu tình cảm của cha, mẹ.

Về con chung: Chị T và anh D trình bày vợ chồng có một con chung là: Hoàng Ngọc A, sinh ngày 19/6/2014 nay đang ở với anh D. Nếu ly hôn Chị T và anh D đều

trình bày: Để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể khi ly hôn cho đến khi trưởng thành. Anh D tự nguyện không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh.

Về tài sản chung, vay nợ và công sức: Chị T và anh D đều trình bày không có nên không đề nghị giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của người tiến hành tố tụng, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của Pháp luật, bị đơn không có mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết theo đúng quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên có quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 điều 56, 58, 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Nguyễn Thị T tự được ly hôn anh Hoàng Ngọc D. Về con chung: Giao cho anh D được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là Hoàng Ngọc A, sinh ngày 19/6/2014. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các mối quan hệ khác về tài sản chung, công nợ, công sức đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Chị T phải chịu án phí theo quy định của Pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án. Tòa án đã gửi thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho Chị T, anh D để hòa giải.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Ngọc D tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ ngày 01/10/2013, đây là hôn nhân hợp pháp, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xã Phúc Khánh, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn, do không hợp nhau nên thường bất đồng quan điểm trong làm ăn, sinh hoạt, thường xuyên cãi chửi nhau, mất lòng tin ở nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không khắc phục được, nên Chị T xin được ly hôn anh D. Xét thấy: Tình cảm vợ chồng Chị T và anh D không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Việc Chị T xin ly hôn anh D là đúng với thực tế, có căn cứ và phù hợp với quy định của Pháp luật, nên cần xử cho Chị T được ly hôn anh D.

Anh D cũng thừa nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, khi Chị T bỏ nhà đi anh đã nhiều lần gọi điện nhưng Chị T không nghe, anh cũng nhiều lần đến nhà mẹ đẻ Chị T để khuyên bảo chị về đoàn tụ nhưng chị đều tránh mặt. Nay Chị T xin ly hôn anh không nhất trí ly hôn, vì anh không muốn vợ nợ, con kia và không muốn con cái thiếu tình cảm của cha, mẹ. Do anh D không nhất trí ly hôn nên tòa án đã xác minh tình trạng hôn nhân tại khu Hamm, xã Phúc Khánh là nơi anh chị sinh sống thì được khu cho biết: Chị T và anh D có xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã cắt đứt mọi quan hệ từ đầu tháng 3/2019. Nay Chị T xin ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Việc anh D không nhất trí ly hôn là không đúng với thực tế, không có căn cứ và không phù hợp với quy định của Pháp luật, chủ yếu gây khó khăn cho Chị T, nên không chấp nhận.

Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là: Hoàng Ngọc A, sinh ngày 19/6/2014 nay đang ở với anh D. Nếu ly hôn Chị T và anh D đều trình bày: Để anh D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi trưởng thành. Anh D tự nguyện không yêu cầu Chị T cấp dưỡng nuôi con cùng anh. Xét thấy: Quan điểm của anh chị về việc nuôi con là đúng với thực tế, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T và anh D đều trình bày không có nên không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 56, 58, 81, 82 và 83 luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Ngọc D.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 19/6/2014 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc kể từ khi ly hôn đến khi trưởng thành. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D.

Không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn. Xác nhận chị Thúy đã nộp tạm ứng 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số: A A/2018/ 0001244 ngày 10 / 12 / 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Chị Nguyễn Thị T và anh Hoàng Ngọc D được quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Lập;
- Chi cục THADS huyện Yên Lập;
- UBND xã Phúc Khánh, H Yên Lập;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Văn Mẫu